

CHƯƠNG 2 QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

TỔNG QUAN

Tiểu ban Quyền Sở hữu trí tuệ (IPRSC) của EuroCham được thành lập vào năm 2012, là nền tảng để các thành viên trao đổi thông tin, nêu quan ngại và đưa ra các khuyến nghị nhằm thực thi hiệu quả hơn quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) tại Việt Nam. Thông qua Tiểu ban, chúng tôi hy vọng góp phần đưa hệ thống pháp luật về SHTT tiệm cận các tiêu chuẩn chung toàn cầu, xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh và cạnh tranh hơn, qua đó hỗ trợ thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Chương 12 của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) quy định rõ về bảo hộ và thực thi quyền SHTT, tạo cơ hội cho Việt Nam nâng cao hiệu quả bảo hộ SHTT. Các doanh nghiệp trong nước cũng được yêu cầu chuẩn bị kỹ càng để tận dụng hiệu quả những lợi ích này.

Chúng tôi hoan nghênh việc chính phủ Việt Nam công nhận tầm quan trọng của SHTT. Tuy nhiên, những thách thức còn tồn đọng trong việc thực thi gây khó khăn cho các doanh nghiệp có sản phẩm được bảo hộ tại Việt Nam. Thông qua những khuyến nghị dưới đây, chúng tôi hy vọng có thể góp phần tăng cường việc xác lập và bảo hộ quyền SHTT theo cách hiệu quả và công bằng hơn.

I. BẢO HỘ QUYỀN SHTT

Cơ quan liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH&DL); Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN); Cục Quản lý thị trường (CQLTT); Bộ Công Thương (BCT); và Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC)

1. Truy tố hình sự hành vi xâm phạm SHTT

Mô tả vấn đề

Các biện pháp hình sự để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT đã được quy định trong Luật SHTT và đề cập trong Bộ luật Hình sự. Bộ luật Hình sự được ban hành năm 2015 và sửa đổi năm 2017¹. Tuy nhiên, trên thực tế, việc áp dụng các biện pháp hình sự vẫn còn tồn tại nhiều thách thức đối với cả chủ thể quyền SHTT và cơ quan thực thi pháp luật. Thách thức chủ yếu là do thiếu các quy định, hướng dẫn cụ thể về định nghĩa “quy mô thương mại”, phương pháp xác định và chứng minh “lợi nhuận bất chính”, và đặc biệt là các tiêu chí đánh giá và xác định “lỗi cố ý”.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các hành vi xâm phạm quyền SHTT ngày càng trở nên tinh vi với phương thức thực hiện liên tục thay đổi, tạo ra những thách thức mới đối với việc xử lý vi phạm bằng biện pháp hình sự. Một ví dụ điển hình là về việc xác định hành vi phạm tội hình sự dựa trên lợi nhuận bất hợp pháp mà đối tượng có hành vi xâm phạm thu được, hoặc tổn thất gây ra, hoặc giá trị của hàng hóa xâm phạm. Điều 226 Bộ luật Hình sự quy định, lợi nhuận bất chính phải từ 100.000.000 Việt Nam Đồng trở lên, hoặc gây thiệt hại từ 200.000.000 Việt Nam Đồng trở lên; giá trị hàng hóa xâm phạm đủ cấu thành hành vi phạm tội phải từ 200.000.000 Việt Nam Đồng trở lên. Cơ quan chức năng thường xác định giá trị hàng hóa xâm phạm dựa trên số lượng hàng hóa bị tịch thu tại thời điểm giám định. Tuy nhiên, phương pháp này có thể không phản ánh đầy đủ mức độ và quy mô của hành vi xâm phạm, vì hoạt động buôn bán hàng giả (bao gồm cả nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý) thường diễn ra liên tục, người vi phạm không nhất thiết phải lưu trữ nhiều hàng hóa cùng một lúc. Do đó, nếu chỉ dựa vào số lượng hàng hóa bị tịch thu thì việc xác định tội danh và đánh giá quy mô vi phạm có thể chưa toàn diện. Điều này có thể dẫn đến việc bỏ sót tội phạm, ảnh hưởng bất lợi đến xã hội và quyền của chủ thể quyền SHTT.

¹ Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2015.

Một ví dụ khác là về việc xác định trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT. Theo Nghị định 98² quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, “hàng hóa giả mạo nhãn hiệu” đã được đưa ra khỏi định nghĩa “hàng giả”. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng vẫn còn nhầm lẫn, thiếu nhất quán trong việc xác định hành vi phạm tội và áp dụng các biện pháp xử lý theo Điều 192 và Điều 226 Bộ luật Hình sự. Nguyên nhân chính là do cả Bộ luật Hình sự và Nghị định 98 đều chưa có quy định để phân biệt hàng giả và hàng hóa giả mạo nhãn hiệu. Ngoài ra, còn tồn tại nhiều điểm chồng chéo trong đánh giá hành vi buôn bán hàng giả, hàng hóa giả mạo nhãn hiệu về mặt đối tượng, dấu hiệu khách quan. Do đó, cần có hướng dẫn rõ ràng và nhất quán để áp dụng hiệu quả vào thực tế.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Cần xác lập các tiêu chí đánh giá bổ sung bên cạnh số lượng hàng hóa bị tịch thu để đảm bảo xác định toàn diện hơn các yếu tố hình sự và đánh giá quy mô vi phạm.
- Cần có những hướng dẫn rõ ràng, nhất quán liên quan đến các định nghĩa như phương pháp “quy mô thương mại” để xác định và chứng minh “số lợi bất hợp pháp”, và đặc biệt là các tiêu chí đánh giá và xác định “sai phạm cố ý” để đảm bảo áp dụng quy định hiệu quả trong thực tế.

2. Đăng ký quyền tác giả

Mô tả vấn đề

Việt Nam có rất ít cuộc điều tra hoặc truy tố hình sự về hành vi xâm phạm quyền tác giả,³ mặc dù đã có luật quy định các hình thức phạt tiền với mức phạt đáng kể và có thể lên tới phạt tù. Một trong những lý do dẫn đến thực trạng này là do những rắc rối liên quan đến việc công nhận quyền tác giả cho mục đích thực thi luật. Mặc dù Luật SHTT Việt Nam không bắt buộc phải đăng ký quyền tác giả thì mới được bảo hộ (tuân thủ Công ước Berne mà Việt Nam là quốc gia thành viên) nhưng có vẻ như tác giả/chủ thể quyền SHTT cần được cấp giấy chứng nhận đăng ký thì mới có thể thực thi hiệu quả các quyền của mình trong trường hợp tranh chấp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Mặc dù việc đăng ký quyền tác giả không phải điều kiện bắt buộc để thực thi Luật SHTT tại Việt Nam nhưng các cơ quan thực thi và nền tảng trực tuyến dường như còn lưỡng lự trong việc chống lại hành vi xâm phạm quyền tác giả nếu tác giả/chủ thể quyền SHTT chưa đăng ký chính thức tại địa phương. Hiện nay, chủ thể quyền SHTT gặp phải một số thách thức trong quá trình đăng ký bản quyền với Cục Bản quyền tác giả (COV). Ví dụ, người nộp đơn phải cung cấp các giấy tờ nhạy cảm như hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân của tác giả, cũng như hợp đồng lao động có thể bao gồm thông tin cá nhân, bí mật thương mại và thông tin kinh doanh mật. Ngoài ra, tác giả hoặc nhà sáng tạo phải ký vào bản kê khai. Đây có thể trở thành vấn đề nếu tác giả/nhà sáng tạo đó không còn làm việc cho công ty, hoặc trong một số trường hợp đã qua đời. Hiện tại, chỉ có giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả mới được chấp nhận là bằng chứng hợp lệ về quyền sở hữu, không có tài liệu thay thế nào khác được công nhận.

Khuyến nghị

Chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị như sau:

- **Khuyến khích sử dụng các bằng chứng thay thế:** Cần nhắc công nhận các giấy tờ thay thế làm bằng chứng hợp lệ về quyền sở hữu quyền tác giả, chẳng hạn như hợp đồng, hóa đơn hoặc các tác phẩm đã xuất bản trước đó, để có thể linh hoạt cho chủ thể quyền.
- **Đưa ra hướng dẫn rõ ràng:** Xây dựng các hướng dẫn toàn diện, rõ ràng về quy trình đăng ký, nêu rõ những giấy tờ cần thiết, các bước và mốc thời gian dự kiến. Điều này có thể giúp người nộp đơn nắm bắt quy trình hiệu quả hơn.

² Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Nghị định 98).

³ Báo cáo Đặc biệt 301 năm 2024 của Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ. Xem tại: <<https://ustr.gov/sites/default/files/2024%20Special%20301%20Report.pdf>>, truy cập lần cuối ngày 25 tháng 11 năm 2024.

- **Bảo vệ thông tin nhạy cảm:** Thực hiện các biện pháp bảo vệ thông tin nhạy cảm trong các hồ sơ đã nộp, chẳng hạn như cho phép nộp bản dữ liệu cá nhân, bí mật thương mại và thông tin mật đã biên tập lại.
- **Tăng cường cơ chế thực thi:** Tăng cường năng lực và nguồn lực của các cơ quan thực thi pháp luật để giải quyết tình trạng xâm phạm quyền tác giả hiệu quả hơn, bao gồm đào tạo cho cán bộ về luật quyền tác giả quốc tế và thực tiễn thực thi pháp luật.

3. Vấn đề quyền tác giả

Mô tả vấn đề

Luật SHTT quy định quyền tác giả và các quyền liên quan được bảo hộ ngay lập tức mà không cần thủ tục đăng ký. Tuy nhiên, giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và các quyền liên quan đặc biệt quan trọng đối với chủ thể quyền SHTT khi phát sinh tranh chấp hoặc, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ thể quyền SHTT trong quá trình thương mại hóa quyền tác giả và các quyền liên quan.

Mặc dù vậy, các yêu cầu về bảo hộ quyền tác giả quy định tại Nghị định 17⁴ có thể gây khó khăn trong quá trình đăng ký tác phẩm gốc. Cụ thể:

- Điều 39.2(c) quy định về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả nếu phát hiện có tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; điều khoản này có thể bị lợi dụng để làm trì hoãn quá trình đăng ký nếu được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả trong trường hợp không có tranh chấp về tư cách của tác giả, chủ thể quyền tác giả.
- Tại Điều 43.1, yêu cầu tên tác phẩm phải phù hợp với nội dung, loại hình tác phẩm có thể ảnh hưởng trực tiếp, hạn chế quyền đặt tên tác phẩm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tranh chấp liên quan đến việc sử dụng, khai thác tác phẩm hoặc tiền bản quyền không ảnh hưởng đến việc xác định tác giả hoặc chủ thể quyền tác giả, và do đó không phải là cơ sở để từ chối cấp Giấy chứng nhận bảo hộ quyền tác giả. Điều 39.2(c) trong Nghị định 17 có thể được hiểu theo nghĩa rộng hơn và bao gồm các tranh chấp nêu trên. Chúng tôi lo ngại rằng việc sử dụng cách giải thích này để trì hoãn quá trình đăng ký quyền tác giả có thể cản trở việc thực thi và thương mại hóa quyền tác giả của chủ thể quyền SHTT.

Chúng tôi cũng quan ngại về Điều 43.1 Nghị định 17, yêu cầu tên tác phẩm phải phù hợp với nội dung và loại hình tác phẩm. Yêu cầu này có thể cản trở việc thực hiện quyền đặt tên tác phẩm theo quy định tại Điều 19.1 Luật SHTT, đồng thời có thể kìm hãm tính đổi mới sáng tạo và không đảm bảo cân bằng lợi ích giữa chủ thể quyền SHTT và lợi ích công theo Điều 8.1 Luật SHTT.

Khuyến nghị

Sau đây là một số đề xuất điều chỉnh cho Nghị định 17:

- Giới hạn phạm vi của Điều 39.2(c) bằng cách loại trừ các trường hợp tranh chấp, khiếu nại và tố cáo không ảnh hưởng đến việc xác định tư cách của tác giả và/hoặc chủ thể quyền tác giả; và
- Bãi bỏ Điều 43.1 quy định tên tác phẩm phải phù hợp với nội dung và loại hình tác phẩm.

4. Yêu cầu ý kiến chuyên gia từ các cơ quan chuyên trách về SHTT của Việt Nam

Mô tả vấn đề

Theo quy định pháp luật thì không có yêu cầu pháp lý bắt buộc nào đối với việc lấy ý kiến giám định cho các hành động thực thi cũng như tố tụng. Tuy nhiên, các cơ quan thực thi quyền SHTT và tố tụng thường yêu cầu chủ thể

⁴ Nghị định 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về quyền tác giả, quyền liên quan (Nghị định 17).

quyền cung cấp ý kiến chính thức hay ý kiến chuyên môn từ các cơ quan chuyên trách về SHTT như Viện Khoa học Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (VIPRI) và/hoặc Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam (Cục SHTT) đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và Trung tâm Giám định Quyền tác giả, Quyền liên quan (ECCR) đối với tác quyền trước khi bắt đầu các hành động thực thi.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thực tế, việc lấy ý kiến giám định này còn gây khó khăn hơn cho chủ thể quyền, cụ thể đối với giám định kiểu dáng công nghiệp, khi hiện nay có nhiều trường hợp cùng là một đối tượng cần đánh giá, giám định, cụ thể là đối tượng liên quan đến kiểu dáng công nghiệp trong ngành công nghiệp sản xuất xe máy, nhưng VIPRI và Cục SHTT lại có ý kiến khác nhau, tùy vào cách đánh giá có xét đến tính tổng thể hình dáng bên ngoài của đối tượng cần đánh giá hay không. Điều này gây khó khăn cho chủ thể quyền khi thực thi quyền sở hữu trí tuệ của mình do bên có khả năng bị xem là vi phạm kiểu dáng công nghiệp thường có ý kiến ngược lại từ phía cơ quan chuyên môn khác là kiểu dáng yêu cầu xem xét có khác biệt đáng kể do một số đặc điểm tạo dáng cơ bản, dù cả sản phẩm được bảo hộ tổng thể, bị loại trừ ra vì được giải thích các đặc điểm loại trừ này là đặc điểm truyền thống. Theo quy định pháp luật hiện hành về SHTT, không có quy định loại trừ hay định nghĩa về “đặc điểm truyền thống”. Từ đó dẫn đến khó khăn cho cơ quan thực thi cũng như cơ quan xét xử trong khi các cơ quan thực thi và xét xử này lại không sẵn sàng xem xét các lựa chọn thay thế khác hay tự mình ra quyết định trong phạm vi quyền hạn, chức năng của mình.

Những bất đồng về ý kiến giữa VIPRI và Cục SHTT đặt ra những thách thức trong quy trình xét xử và thực thi. Chúng tôi rất cảm kích khi ý kiến về vấn đề này đã được Cục SHTT ghi nhận và có hướng xem xét, trao đổi với các cơ quan, bộ ngành liên quan trong công tác phối hợp. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể nào từ phía cơ quan có thẩm quyền. Điều này dẫn đến việc chủ thể quyền vẫn gần như bị ách lại trong việc thực thi được quyền sở hữu trí tuệ của mình từ đó cho thấy việc chủ thể quyền đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của mình không thật sự có hiệu quả.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định 516 ngày 17 tháng 3 năm 2021⁵ về việc công bố danh sách tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc trong hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ KHCN năm 2021, theo đó công bố danh sách tổ chức và giám định viên tư pháp độc lập. Quyết định này đã phần nào tháo gỡ khó khăn cho chủ thể quyền khi trong tình huống có ý kiến chuyên môn khác nhau, cơ quan xét xử có thể yêu cầu ý kiến giám định tư pháp từ tổ chức hay giám định viên độc lập. Tuy nhiên, trình tự này hiện tại chưa được phổ biến rộng rãi và hầu như chỉ áp dụng trong quy trình tố tụng. Trong khi đó, việc khiếu nại liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ còn được xử lý thông qua biện pháp hành chính, biện pháp được các chủ thể quyền ưu tiên lựa chọn hơn do tính kịp thời, hiệu quả.

Khuyến nghị

Để hỗ trợ quy trình xử lý vi phạm hành chính liên quan đến SHTT trong trường hợp có ý kiến chuyên môn khác nhau, chúng tôi khuyến nghị:

- Nên phổ biến, nhân rộng việc áp dụng lựa chọn giám định viên tư pháp độc lập cho tất cả các khiếu nại về quyền SHTT theo thủ tục hành chính. Ý kiến của chuyên gia độc lập cũng là cơ sở để các cơ quan xử lý vi phạm hành chính tham khảo, tương tự như trong quá trình tố tụng.
- Nếu có yêu cầu của chủ thể quyền, Bộ Khoa học và Công nghệ nhanh chóng thành lập Hội đồng giám định để xem xét các trường hợp điển hình về sự khác nhau của ý kiến giám định hay ý kiến chuyên môn, nhằm tạo một cơ sở thông nhất cho việc xem xét đưa ra ý kiến chuyên môn trên cơ sở quy định pháp luật.
- Nên đưa thêm nhiều tổ chức có khả năng thực hiện giám định chuyên môn, cụ thể là trong lĩnh vực SHTT vào danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc nhằm có thêm nhiều ý kiến đa chiều, khách quan hơn.

Ngoài ra, để cải thiện quy trình lấy ý kiến ý kiến chuyên gia từ các cơ quan chuyên trách về SHTT của Việt Nam, chúng tôi cũng khuyến nghị:

⁵ Quyết định 516/QĐ-BKHCN ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Bộ Khoa học và công nghệ ban hành về việc công bố danh sách tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc trong hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Khoa học Công nghệ năm 2021 (Quyết định 516).

- Khuyến khích các cơ quan thực thi luật SHTT thực hiện các hành động thực thi, xét xử theo quyền hạn và chức năng của mình, theo đó ý kiến chuyên môn chỉ mang tính tham khảo; với những trường hợp sự xâm phạm là quá rõ ràng hay đã có những trường hợp tương tự thì không yêu cầu chủ thể quyền cung cấp thêm ý kiến chuyên môn.
- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực, kiến thức về SHTT của cơ quan thực thi và cơ quan xét xử trong quá trình thực hiện chức năng, quyền hạn của mình.
- Việc xử lý vi phạm hay xét xử không nên chỉ dựa vào yếu tố kỹ thuật mà nên xem xét thêm ý đồ không tốt của người vi phạm cố tình có sự lẫn tránh để sản phẩm vi phạm không giống hoàn toàn với sản phẩm gốc trên thị trường, nhưng đồng thời lại thực hiện các hành vi tuyên truyền, quảng cáo gây cho khách hàng sự nhầm lẫn sản phẩm của bên vi phạm với sản phẩm gốc hoặc lợi dụng sự nổi tiếng, phổ biến của sản phẩm gốc để quảng cáo sản phẩm tương tự của mình.
- Công nhận và lồng ghép quan điểm người tiêu dùng vào quá trình xét xử và thi hành pháp luật về SHTT và xem xét các tác động tiềm ẩn của việc vi phạm đối với quyền lợi của người tiêu dùng, đồng thời giải quyết những trường hợp có thể gây hiểu lầm cho người tiêu dùng. Điều này có thể bao gồm việc lồng ghép quan điểm của người tiêu dùng vào quá trình đánh giá hoặc thực hiện các cuộc khảo sát để hiểu rõ hơn về quan điểm của người tiêu dùng về các vấn đề liên quan đến quyền SHTT.

Tăng cường công tác đào tạo, khảo thí, cấp thêm nhiều chứng chỉ giám định viên SHTT để mở rộng thêm số lượng giám định viên nói chung và giám định tư pháp độc lập trong lĩnh vực SHTT nói riêng.

5. Những vấn đề thường gặp trong thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp

5.1. Chữ ký số/điện tử

Mô tả vấn đề

Hiện tại, Cục SHTT chỉ chấp nhận chữ ký tươi trên giấy, không chấp nhận chữ ký số hoặc chữ ký điện tử trên hồ sơ nộp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Với sự phát triển của công nghệ, chữ ký số và chữ ký điện tử hiện được nhiều chủ thể quyền SHTT sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên, Cục SHTT không chấp nhận hình thức chữ ký này vì hồ sơ nộp phải là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực và chữ ký tươi trên giấy. Yêu cầu này có thể làm kéo dài thời gian và tăng chi phí cho chủ thể quyền SHTT.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Cục SHTT cần xem xét cho phép chủ thể quyền SHTT và các bên liên quan sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử trong hoạt động xác lập, thực thi quyền tại Cục SHTT trên các giấy tờ nhận được như giấy ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, giấy tờ chứng minh thay đổi thông tin người nộp đơn, v.v.

5.2. Quy trình kiểm soát an ninh đối với sáng chế

Mô tả vấn đề

Điều 14 Nghị định 65,⁶ ban hành ngày 23 tháng 8 năm 2023 có hiệu lực ngay lập tức, đưa ra hướng dẫn về Điều 89.a liên quan đến các tình huống yêu cầu bắt buộc thực hiện các thủ tục kiểm soát an ninh đối với sáng chế.

Tuy nhiên, một trong những bất cập lớn nhất là bất cứ khi nào một phát minh phải thực hiện yêu cầu kiểm soát an ninh, bước đầu tiên là nộp đơn xin cấp bằng sáng chế tại Việt Nam hoặc nộp đơn theo Hiệp ước hợp tác về sáng

6 Nghị định 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về SHTT (Nghị định 65).

chế (PCT)⁷ với xuất xứ Việt Nam. Trên thực tế, nhiều người nộp đơn không quan tâm đến thị trường Việt Nam vì chỉ xuất khẩu và bán sản phẩm ra nước ngoài; do đó, nhóm này không có lý do gì để nộp đơn xin cấp bằng sáng chế tại Việt Nam. Ngoài ra, nhiều trường hợp không nộp đơn PCT vì muốn nộp đơn xin cấp bằng sáng chế tại một hoặc một số quốc gia nhất định, thay vì nộp đơn PCT với xuất xứ Việt Nam. Tuy nhiên, để đáp ứng điều kiện tiên quyết về kiểm soát an ninh, người nộp đơn vẫn có nghĩa vụ nộp đơn xin cấp bằng sáng chế ban đầu tại Việt Nam hoặc thông qua PCT. Do đó, chủ thể quyền SHTT phải tốn thêm thời gian, công sức và chi phí cho thủ tục bắt buộc này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trong trường hợp chủ thể quyền SHTT không có nhu cầu bảo vệ phát minh của mình ở Việt Nam, điều kiện tiên quyết bắt buộc là nộp đơn xin cấp bằng sáng chế ban đầu tại Việt Nam hoặc thông qua đơn PCT với xuất xứ Việt Nam chỉ nhằm thỏa mãn quy định kiểm soát an ninh. Quy trình này tạo gánh nặng cho cả Cục SHTT và chủ thể quyền SHTT do quá cứng nhắc, thiếu linh hoạt. Chủ thể quyền SHTT có thể yêu cầu rút lại hoặc từ bỏ đơn xin cấp bằng sáng chế sau khi đã nộp. Trên thực tế, nhiều quốc gia, bao gồm Hoa Kỳ, Pháp, Trung Quốc và Ấn Độ, tạo điều kiện để chủ thể quyền SHTT lựa chọn phương pháp kiểm soát an ninh đối với đơn xin cấp bằng sáng chế.

Khuyến nghị

Cần áp dụng thêm các quy định để cho phép chủ thể quyền SHTT được tự do lựa chọn một trong hai thủ tục được nêu dưới đây:

- Nộp đơn xin cấp bằng sáng chế tại Việt Nam hoặc đơn PCT với xuất xứ Việt Nam (theo quy định hiện hành tại Nghị định 65).
- Nộp đơn xin cấp bằng sáng chế lần đầu: trong trường hợp này, một bản mô tả ngắn gọn (không quá một đến hai trang) là đủ để chứng minh bản chất của phát minh và bắt đầu thủ tục nộp đơn lần đầu (Nghị định 65 không nêu rõ trường hợp này; do đó, chúng tôi đề xuất nên bổ sung trong tương lai gần). Ví dụ điển hình là một số quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Pháp, Trung Quốc, Ấn Độ, nơi áp dụng các quy định về thủ tục kiểm soát an ninh gọn và nhanh chóng (nộp hồ sơ cấp phép từ nước ngoài). Các ví dụ được trình bày trong các liên kết ở phần chú thích.⁸

6. Nhân hiệu

a. Chậm trễ trong việc xác lập quyền SHTT

Mô tả vấn đề

Theo Luật SHTT và các thông tư hướng dẫn, thời gian thẩm định nội dung đơn đăng ký nhãn hiệu không quá 9 tháng từ ngày công bố. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quá trình này thường kéo dài đến gần hai năm. Nếu người nộp đơn phản hồi kết quả thẩm định, Cục SHTT có thể mất thêm ít nhất 12 tháng để xem xét và đưa ra quyết định cuối cùng.

Với đơn đăng ký quốc tế chỉ định Việt Nam, nếu có sai sót hoặc không đáp ứng yêu cầu bảo hộ, Cục SHTT sẽ gửi thông báo từ chối tạm thời để người nộp đơn khắc phục. Tuy nhiên, nhiều hồ sơ phản hồi đã tồn đọng 3-4 năm mà chưa được giải quyết. Tương tự như vậy, các khiếu nại liên quan đến đơn đăng ký nhãn hiệu cũng bị tồn đọng, có hồ sơ kéo dài hơn 10 năm.

⁷ Đơn xin cấp bằng sáng chế PCT là đơn xin cấp bằng sáng chế được nộp theo Hiệp ước hợp tác về sáng chế (PCT). PCT là Hiệp ước hợp tác về sáng chế năm 1970, được sửa đổi vào năm 1984 và 2001.

⁸ "Hợp tác toàn cầu và nộp hồ sơ cấp phép từ nước ngoài", *Hội Luật sư Hoa Kỳ*, ngày 01 tháng 4 năm 2020. Xem tại: <[https://www.americanbar.org/groups/intellectual_property_law/publications/landslide/2019-20/march-april/global-collaborations-foreign-filing-licenses/#:~:text=What%20is%20a%20Foreign%20Filing,the%20inventor%27s%20or%20invention%27s%20country](https://www.americanbar.org/groups/intellectual_property_law/publications/landslide/2019-20/march-april/global-collaborations-foreign-filing-licenses/#:~:text=What%20is%20a%20Foreign%20Filing,the%20inventor%27s%20or%20invention%27s%20country;)>; "Nhận thức về các yêu cầu nộp hồ sơ từ nước ngoài đối với các phát minh có nguồn gốc bên ngoài Hoa Kỳ có thể ngăn những hậu quả bất lợi", *Viện Luật thực hành*, 2005. Xem tại <https://legacy.pli.edu/emktg/toolbox/Foreign_Filing04.pdf>; "Nộp hồ sơ cấp phép từ nước ngoài là gì?", *Dinsmore & Shohl LLP*, ngày 22 tháng 1 năm 2019. Xem tại <<https://www.drm.com/resources/what-is-a-foreign-filing-license/>>; "Nộp hồ sơ cấp phép từ nước ngoài", *Văn phòng Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ*. Xem tại <<https://www.uspto.gov/web/offices/pac/mpep/s140.html>>, lần cuối truy cập ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Số lượng đơn khiếu nại tăng và thiếu nhân lực có thể góp phần gây chậm trễ, những tình trạng này kéo dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và quyền lợi người tiêu dùng. Thiếu giấy chứng nhận nhãn hiệu làm hạn chế khả năng bảo hộ thương hiệu, đồng thời khiến người tiêu dùng dễ gặp rủi ro mua phải hàng giả, hàng kém chất lượng.

Khuyến nghị

- Đề xuất đẩy nhanh quy trình thẩm định và xử lý hồ sơ đăng ký ở tất cả các giai đoạn, đặc biệt là trong xử lý các thông báo từ chối tạm thời và khiếu nại.

b. Thủ tục đăng ký nhãn hiệu

Mô tả vấn đề

Các quy định trong Luật SHTT sửa đổi và thực tế xử lý hồ sơ, giấy tờ đã cho thấy những tiến bộ hướng tới phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên, cụ thể như sau.

Theo quy định hướng dẫn thi hành Luật SHTT sửa đổi, cụ thể là Điều 29 Nghị định 65, chủ sở hữu nhãn hiệu có quyền lựa chọn hình thức giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu là bản giấy hoặc bản điện tử (e-certificate). Theo đó, mẫu đơn đăng ký nhãn hiệu của Cục SHTT cũng đã được sửa đổi để người nộp đơn có thể lựa chọn hình thức giấy chứng nhận hoặc giấy chứng nhận điện tử. Trong trường hợp người nộp đơn không chọn ô “bản giấy” khi nộp đơn, Cục SHTT sẽ mặc định cấp giấy chứng nhận điện tử. Mặc dù giấy chứng nhận điện tử mang lại nhiều lợi ích như tiết kiệm chi phí, tiện lợi, việc thực hiện chứng thực và chấp nhận giá trị pháp lý của loại văn bản này vẫn chưa được các cơ quan nhà nước quản lý rõ ràng. Hiện nay, do thiếu hướng dẫn cụ thể về chứng thực giấy chứng nhận điện tử, nhiều cơ quan vẫn có thể yêu cầu chủ sở hữu nhãn hiệu xuất trình bản sao giấy chứng nhận đăng ký làm bằng chứng pháp lý. Do đó, nhiều chủ sở hữu nhãn hiệu còn ngần ngại trong việc lựa chọn giấy chứng nhận điện tử và vẫn ưu tiên bản giấy hơn.

Cục SHTT đã bắt đầu gửi hồ sơ, giấy tờ qua email cho người nộp đơn/đại diện sở hữu công nghiệp của người nộp đơn nhằm tăng hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian và giảm thiểu rủi ro thất lạc giấy tờ trong quá trình chuyển phát. Đây là bước tiến quan trọng khi Cục SHTT hướng tới mục tiêu số hóa hoạt động, có thể là tiền đề để loại bỏ dần việc sử dụng hồ sơ giấy truyền thống.

Tuy nhiên, hệ thống nộp đơn đăng ký nhãn hiệu trực tuyến của Cục SHTT vẫn chưa được khôi phục, dẫn đến tình trạng chông chéo trong quản lý hồ sơ. Hiện nay, Cục SHTT đang tiếp nhận một lượng lớn hồ sơ giấy và các thông tin quan trọng cần phải được nhập thủ công vào hệ thống điện tử. Điều này không chỉ lãng phí tài nguyên mà còn tăng nguy cơ sai sót và kéo dài thời gian xử lý hồ sơ.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Cục SHTT đã và đang nỗ lực bắt kịp xu hướng chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, giảm thiểu giấy tờ hành chính cho cơ quan nhà nước và người dân. Nếu được đầu tư phát triển toàn diện, nỗ lực này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho chủ thể quyền SHTT trong việc nộp giấy tờ và trao đổi văn bản với Cục SHTT. Cán bộ Cục SHTT sẽ giảm bớt được các công việc hành chính không cần thiết, tiết kiệm thời gian cho việc xử lý đơn đăng ký và thẩm định nhãn hiệu, qua đó góp phần phát triển giải pháp hiệu quả hơn cho việc đánh giá, công nhận và xác lập quyền SHTT cũng như các trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục SHTT.

Khuyến nghị

Cục SHTT cần tham vấn các bộ, ngành để có giải pháp thúc đẩy số hóa thủ tục hành chính, ví dụ:

- Đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc xác thực và sử dụng giấy chứng nhận điện tử. Bộ KHCN và các cơ quan liên quan cần phối hợp ban hành hướng dẫn chi tiết, đồng thời nâng cao nhận thức của các cơ quan nhà nước về giá trị pháp lý của giấy chứng nhận điện tử. Điều này nhằm tạo điều kiện thuận lợi để chủ sở hữu nhãn hiệu thực thi quyền và thúc đẩy tính minh bạch trong quản lý SHTT.
- Cải thiện quy trình gửi giấy tờ, công văn qua email, hướng tới mục tiêu loại bỏ hoàn toàn giấy tờ giấy; nghiên

cứu phương án cho phép người nộp hồ sơ/đại diện Cục SHTT nộp giấy tờ, công văn qua email hoặc hệ thống nộp hồ sơ điện tử (sau khi khôi phục).

- Khôi phục hệ thống nộp hồ sơ điện tử cho đăng ký nhãn hiệu để đảm bảo nộp hồ sơ được kịp thời, ít nhất là đối với các thủ tục hồ sơ cơ bản như trước khi hệ thống bị tạm dừng hoạt động.

c. Công nhận nhãn hiệu nổi tiếng

Mô tả vấn đề

Luật SHTT sửa đổi đã điều chỉnh định nghĩa về “nhãn hiệu nổi tiếng” tại Điều 4.20, cụ thể quy định nhãn hiệu được bộ phận công chúng có liên quan biết đến rộng rãi trên lãnh thổ Việt Nam, thay vì người tiêu dùng nói chung trên mọi lĩnh vực theo quy định trước đây. Quy định sửa đổi phù hợp với tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng được nêu chi tiết tại Điều 75.1, tập trung vào “người tiêu dùng liên quan đã biết đến nhãn hiệu”. Thay đổi này dự kiến sẽ đơn giản hóa quy trình công nhận nhãn hiệu nổi tiếng trong tương lai và giảm bớt gánh nặng chứng minh cho chủ thể quyền SHTT. Trong khi các tiêu chí tại Điều 75 để đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng không thay đổi so với các quy định trước đây thì hiện nay, chủ sở hữu nhãn hiệu chỉ cần đáp ứng “một số tiêu chí cụ thể”, chứ không phải tất cả các tiêu chí, theo Điều 75. Luật SHTT sửa đổi cũng đưa ra mốc thời gian để xác lập trạng thái nổi tiếng của một nhãn hiệu.

Nghị định 65 nêu rõ các tiêu chí quy định tại Điều 75 Luật SHTT sửa đổi là cơ sở để xác lập quyền đối với nhãn hiệu nổi tiếng (Điều 10.2), xác định đối tượng được bảo hộ (Điều 73.5), xác định hành vi xâm phạm quyền liên quan đến nhãn hiệu nổi tiếng (Điều 77.2 và Điều 77.4) và chứng minh chủ thể quyền đối với nhãn hiệu nổi tiếng (Điều 91.5).

Mặc dù Thông tư 23⁹ có điều khoản về việc công nhận nhãn hiệu nổi tiếng (Điều 27), nội dung của điều khoản này cơ bản tương tự như quy định tại Thông tư 01¹⁰ và Thông tư 16.¹¹

Theo quy định hiện hành, nhãn hiệu nổi tiếng được công nhận dựa trên quyết định của Cục SHTT hoặc thông qua tố tụng dân sự tại tòa án. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hiện hành còn thiếu hướng dẫn cụ thể về phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét, công nhận nhãn hiệu nổi tiếng cũng như trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận nhãn hiệu nổi tiếng.

Trên thực tế, trong một số vụ việc phản đối mới được giải quyết gần đây, Cục SHTT không bình luận về các lập luận và bằng chứng chứng minh nhãn hiệu nổi tiếng. Điều này có thể dẫn đến bất đồng giữa các chủ thể quyền SHTT khi các giấy tờ được cung cấp không nhận được kết luận đầy đủ, thỏa đáng và có thể ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả cuối cùng của vụ việc có liên quan.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiếu các quy định chi tiết về cơ quan có thẩm quyền công nhận nhãn hiệu nổi tiếng và các thủ tục công nhận có thể dẫn đến nhiều xung đột trong quá trình thực hiện luật. Cụ thể, chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng hiện không thể thực hiện đầy đủ các quyền hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân là do chủ sở hữu không thể xác lập và thực thi các quyền của mình trước sự xâm phạm và cạnh tranh không lành mạnh. Trên thực tế, việc Cục SHTT chậm trễ hoặc không giải quyết các vụ việc liên quan đến phản đối và hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng gây cản trở việc thực hiện quyền nhãn hiệu của bên thứ ba.

Để giảm bớt tính chủ quan của Cục SHTT và các cơ quan có thẩm quyền khác trong việc công nhận quyền bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng, việc ban hành các quy định công khai hướng dẫn chi tiết về tiêu chí xác định nhãn hiệu nổi tiếng là rất cần thiết.

9 Thông tư 23/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ Khoa học Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu Trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu Trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp (Thông tư 23).

10 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Bộ Khoa học Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu Trí tuệ về sở hữu công nghiệp (Thông tư 01).

11 Thông tư 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa học Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 2 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu Trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010, Thông tư 18/2011/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Thông tư 05/2013/TT-BKHCN ngày 20 tháng 2 năm 2013 (Thông tư 16).

Khuyến nghị

- Ban hành hướng dẫn toàn diện về năng lực của các cơ quan/tòa án SHTT chuyên trách có nhiệm vụ xác định và chứng nhận nhãn hiệu nổi tiếng cũng như các quy trình liên quan, cụ thể:
- Quy định chi tiết về phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm rà soát, công nhận nhãn hiệu nổi tiếng.
- Đưa ra hướng dẫn chi tiết về các quy định thử nghiệm và tiêu chí cụ thể để công nhận nhãn hiệu nổi tiếng trong các tình huống liên quan đến việc xác lập và thực thi quyền.
- Hướng dẫn trình tự, thủ tục phối hợp, tham vấn giữa các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong quá trình xem xét, công nhận nhãn hiệu nổi tiếng.

7. Chỉ dẫn địa lý**Mô tả vấn đề**

EVFTA đã xác lập bảo hộ cho 169 chỉ dẫn địa lý của EU và 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam vào năm 2020. Hiện nay, danh mục chỉ dẫn địa lý của Việt Nam bao gồm 130 chỉ dẫn địa lý trong nước, 8 chỉ dẫn địa lý nước ngoài và 5 chỉ dẫn địa lý ASEAN. Mặc dù đã có những bước tiến nhất định nhưng việc thực hiện vẫn gặp nhiều thách thức tồn đọng:

Việc thực thi luật còn chưa nhất quán, với tình trạng vi phạm chỉ dẫn địa lý của EU còn phổ biến trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống có cồn. So với các nước láng giềng như Thái Lan, nhận thức về chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam cần nhiều cải thiện. Khung pháp lý SHTT không giải quyết thỏa đáng các trường hợp “gợi liên tưởng”, trong đó các thuật ngữ như “kiểu” hoặc “loại hình” khiến người tiêu dùng hiểu nhầm về mối liên hệ tuy nhiên điều này lại không được coi là vi phạm trực tiếp. Tình trạng xung đột giữa các chỉ dẫn địa lý của EU và các nhãn hiệu đã được đăng ký trước tại Việt Nam tạo ra sự thiếu bảo đảm về bảo hộ pháp lý. Các hệ thống xác minh hiện hành còn thiếu hiệu quả, tạo điều kiện cho các sản phẩm giả mạo đưa ra các tuyên bố không có căn cứ về chỉ dẫn địa lý – điều này đi ngược lại với tinh thần và cam kết của EVFTA.

Tuy nhiên, thực tế là EVFTA dành cho Việt Nam một giai đoạn chuyển tiếp lên tới 10 năm (từ 2020 đến 2030) để thực thi đầy đủ một số biện pháp bảo hộ chỉ dẫn địa lý, đặc biệt trong các trường hợp có thể xảy ra xung đột với nhãn hiệu đã được đăng ký trước đó. Giai đoạn chuyển tiếp này khiến việc giám sát thực thi trở nên phức tạp hơn. Do đó, việc diễn giải các quy định trong giai đoạn này cần được thực hiện một cách nhất quán với mục tiêu ban đầu của EVFTA.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc triển khai chỉ dẫn địa lý hiệu quả mang lại cho Việt Nam các cơ hội kinh tế thông qua việc tăng cường tiếp cận thị trường EU, tiềm năng định giá cao và hỗ trợ phát triển nông thôn. Quy định 2023/2411 sắp tới của EU, trong đó mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm thủ công nghiệp vào năm 2025, mang đến nhiều cơ hội cho thủ công mỹ nghệ truyền thống của Việt Nam.

Nếu không giải quyết được những thách thức trong quá trình thực hiện, Việt Nam có nguy cơ suy giảm niềm tin của người tiêu dùng vào hệ thống chỉ dẫn địa lý, từ đó có ảnh hưởng tiêu cực đến các lợi ích từ EVFTA và quan hệ thương mại Việt Nam - EU. Các nhà sản xuất địa phương phải đối mặt với vấn đề cạnh tranh không lành mạnh từ các sản phẩm giả mạo, làm giảm động lực sản xuất sản phẩm chất lượng và phát triển chỉ dẫn địa lý đích thực.

Khuyến nghị

Để Việt Nam tận dụng được các lợi ích của chỉ dẫn địa lý, đồng thời tăng cường quan hệ thương mại EU-Việt Nam, chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị như sau:

- Tăng cường thực thi pháp luật thông qua đào tạo chuyên sâu cho các cơ quan chức năng.

- Phát triển các chương trình nâng cao nhận thức hướng tới người tiêu dùng, nhà sản xuất và cán bộ nhà nước.
- Xây dựng các thủ tục rõ ràng để giải quyết xung đột giữa chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu.
- Triển khai hệ thống chứng nhận mạnh mẽ với khả năng theo dấu kỹ thuật số.
- Tăng cường chống lại hành vi tạo chỉ dẫn địa lý có tính gợi nhớ thông qua ban hành những quy định rõ ràng hơn.
- Chuẩn bị khung pháp lý cho chỉ dẫn địa lý ngành thủ công nghiệp theo Quy định 2023/2411 của EU.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Quyền Sở hữu trí tuệ thuộc EuroCham

South-East Asia IP SME Helpdesk là một sáng kiến của Ủy ban Châu Âu và được triển khai bởi EuroCham Việt Nam